

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/02/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quách Hà Vĩnh

2. Bà Trần Thị Dân

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Văn Tuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 11/01/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn D; Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa (Đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị T; Sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” đề ngày 30/8/2022, anh Trần Văn D và chị Hoàng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Anh D và chị T chung sống như vợ chồng từ năm 2000 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau đó, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/6/2022. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng

chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có 03 con chung là cháu Trần Thùy D, sinh ngày 20/6/2001, Trần Quốc V, sinh ngày 19/4/2009 và Trần Thùy L, sinh ngày 15/12/2010. Hiện cháu D đã thành niên, anh D và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh D và chị T thỏa thuận, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh D và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự, chị T đề nghị thay đổi ý kiến so với đơn yêu cầu. Về hôn nhân: Chị không đồng ý ly hôn với anh D mà mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Về con chung: Nếu anh D nhất quyết ly hôn thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng cho mỗi cháu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), hai cháu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Trong khi đó, anh D vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong đơn yêu cầu và bản tự khai. Do anh D và chị T không thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ việc nên anh D đã có đơn đề nghị chuyển sang vụ án. Do đó, Tòa án đã thông báo chuyển việc dân sự sang vụ án dân sự và giải quyết theo thủ tục chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn D và chị Hoàng Thị T được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Trần Thùy L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Công V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Quá trình giải quyết việc dân sự, do các bên có ý kiến thay đổi so với đơn yêu cầu, dẫn đến hai bên không thống nhất được các vấn đề đang tranh chấp. Anh D có đơn đề nghị chuyển việc dân sự sang vụ án dân sự để giải quyết nên căn cứ khoản 5 Điều 397 BLTTDS, Tòa án chuyển việc dân sự sang vụ án dân sự để giải quyết theo thủ tục chung.

[2]. Do trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[3]. Chị T đã được thông báo hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị T đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, anh D vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị T lần thứ hai đến để tham gia phiên tòa nhưng chị T vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điều b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh D và chị T.

[5]. Về hôn nhân: Anh D và chị T chung sống như vợ chồng từ năm 2000 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau đó, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 27/6/2022. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Việc này, cả anh D và chị T đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù chị T mong muốn được đoàn tụ nhưng không có mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa, trong khi đó anh D nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. HĐXX nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Trần Văn D được ly hôn chị Hoàng Thị T.

[6]. Về con chung: Vợ chồng không có 03 con chung. Hiện cháu D đã thành niên, anh D và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Xét thấy, bản thân cháu L có nguyện vọng được ở với bố, cháu V có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của anh D, giao cháu L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7]. Về tài sản: Anh D và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Anh D tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điều a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn D được ly hôn chị Hoàng Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thùy L, sinh ngày 15/12/2010 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Công V, sinh ngày 19/4/2009, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh D và chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí DSST anh D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007831, ngày 18/10/2022. Anh D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Trần Văn D và chị Hoàng Thị T. Anh D và chị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**